

Số: 965/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 10 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề cương - Dự toán dự án Xây dựng bản đồ ngập lụt
vùng hạ du hồ chứa nước Bà Hào, huyện Vĩnh Cửu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 16 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 16 tháng 7 năm 2020;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đo đạc bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;

Căn cứ Nghị định số 112/2008/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên và môi trường các hồ chứa thủy lợi thủy điện;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc bản đồ;



Căn cứ Nghị định số 40/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27 tháng 6 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai;

Căn cứ Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc bản đồ.

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 5411/TTr-SNN ngày 09 tháng 11 năm 2023 về việc phê duyệt Đề cương - Dự toán dự án Xây dựng bản đồ ngập vùng hạ du của hồ chứa nước Bà Hào và Văn bản số 1085/SNN-TL ngày 15 tháng 3 năm 2024 về việc tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề cương - Dự toán dự án Xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du hồ chứa nước Bà Hào, huyện Vĩnh Cửu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương - Dự toán dự án Xây dựng bản đồ ngập vùng hạ du của hồ chứa nước Bà Hào với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Xây dựng bản đồ ngập vùng hạ du hồ chứa nước Bà Hào.
2. Người quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.
3. Chủ đầu tư: Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai.
4. Địa điểm thực hiện: Vùng hạ du hồ Bà Hào gồm các xã: Mã Đà, Hiếu Liêm thuộc huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
5. Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách tỉnh.
6. Thời gian thực hiện: Năm 2023-2024.

7. Đơn vị lập đề cương, dự toán: Trung tâm Ứng phó thiên tai và Biến đổi khí hậu.

8. Đơn vị thẩm tra đề cương, dự toán: Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định xây dựng Đại Việt.

9. Mục tiêu, nhiệm vụ của dự án.

a) Mục tiêu:

Xác định phạm vi, mức độ ngập lụt khi hồ chứa xả nước theo quy trình, xả lũ trong các tình huống khẩn cấp hoặc vỡ đập; xây dựng bản đồ vùng ngập lụt vùng hạ du hồ chứa nước Bà Hào ứng với các kịch bản xả lũ khẩn cấp hoặc vỡ đập hồ chứa, đồng thời xây dựng hệ thống cảnh báo lũ trong vùng rủi ro của hạ du; làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị xây dựng các phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

b) Nhiệm vụ:

Xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du hồ chứa nước Bà Hào ứng với các kịch bản có xét đến tác động và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu; xây dựng hệ thống mốc cảnh báo trong vùng rủi ro của hạ du làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị xây dựng các phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp theo quy định.

10. Quy chuẩn kỹ thuật, Tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:

a) QCVN 47:2012/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quan trắc thủy văn;

b) QCVN 04-05:2022/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia - Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu thiết kế;

c) TCVN 8478:2018 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;

d) TCVN 9401:2012 Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình;

e) TCKT 03/2015/TCTL Công trình thủy lợi - Hướng dẫn xây dựng bản đồ ngập lụt hạ du hồ chứa nước trong các tình huống xả lũ khẩn cấp và vỡ đập

g) Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

11. Các nội dung thực hiện dự án:

a) Thu thập tài liệu cơ bản.

b) Điều tra, phân tích, đánh giá hiện trạng.

c) Khảo sát địa hình, thủy văn.

d) Tính toán thủy văn, thủy lực.

đ) Xây dựng bản đồ ngập lụt.

e) Lắp đặt mốc cảnh báo ngập lụt.

g) Chuyển giao kết quả xây dựng bản đồ ngập lụt.



12. Sản phẩm dự án 10 bộ, bao gồm:

- a) Báo cáo chính;
- b) Báo cáo tóm tắt;
- c) Báo cáo kết quả khảo sát địa hình, thủy văn (báo cáo + bản vẽ khảo sát);
- d) Báo cáo tính toán thủy văn, thủy lực (kèm theo phụ lục tính toán thủy văn, thủy lực);
- đ) Báo cáo xây dựng bản đồ ngập theo các kịch bản;
- e) Bản đồ ngập lụt bản giấy cho các kịch bản điển hình: 4 kịch bản (kịch bản xả lũ thiết kế, xả lũ kiểm tra và 2 kịch bản vỡ đập) x 1 nội dung (độ sâu ngập lụt lớn nhất): gồm bản đồ tổng thể và bản đồ từng xã:
 - Bản đồ tổng thể: tỷ lệ 1/25000: 1 mảnh;
 - Bản đồ xã Mã Đà, Hiếu Liêm: Tỷ lệ 1/10.000: Mỗi xã 1 mảnh.
- g) File mềm bản đồ dạng ArcGis cho tất cả các kịch bản;
- i) USB lưu kết quả dự án.

13. Giá trị tổng mức đầu tư: **1.832.345.000 đồng** (*Bằng chữ: Một tỷ, tám trăm ba mươi hai triệu, ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*).

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

1. Lập, phê duyệt nhiệm vụ, phương án kỹ thuật khảo sát và tổ chức quản lý chất lượng dự án theo các quy định hiện hành.

2. Đối với các công việc sử dụng mã tạm tính, không có trong định mức xây dựng như giá vật tư không có trong thông báo giá của liên Sở Tài chính-Xây dựng tỉnh Đồng Nai. Chủ đầu tư được phép vận dụng đơn giá dự án tương tự đã thực hiện hoặc thuê đơn vị có năng lực lập, thẩm định giá đúng chế độ, chính sách và quản lý chi phí đảm bảo quy định hiện hành.

3. Tổ chức kiểm tra, rà soát lại khối lượng, số lượng, dự toán cho phù hợp đồng bộ với nội dung công việc, phương án kỹ thuật để làm cơ sở phê duyệt giá các gói thầu cũng như thương thảo, ký kết hợp đồng, tránh phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

4. Sử dụng dự phòng phí hợp lý, đúng mục đích.

5. Phối hợp với các địa phương, đơn vị quản lý vận hành hồ chứa để tổ chức thực hiện dự án phù hợp và hiệu quả.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và

Môi trường, Giao thông vận tải, Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu; Giám đốc Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai; Thủ trưởng các cơ quan và các đơn vị khác liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Q. Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

(Khoa/Qddecuongbdnl/08.04-183)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi





Phụ lục

Kèm theo Quyết định số 965/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

| TT | Nội dung chi phí | Thành tiền (đồng) |
|------------|---|----------------------|
| I | CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN | 51.430.337 |
| II | CHI PHÍ TƯ VẤN (TV) | 1.682.820.893 |
| 1 | Chi phí lập đề cương dự toán | 27.567.206 |
| 2 | Chi phí thẩm tra đề cương | 8.265.984 |
| 3 | Chi lập, thẩm định HSMT, đánh giá HSDT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu | 20.314.420 |
| 3.1 | Chi phí lập hồ sơ mời thầu | 5.430.211 |
| 3.2 | Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu | 6.636.925 |
| 3.3 | Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu | 3.292.621 |
| 3.4 | Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu | 4.954.663 |
| 4 | Chi phí xây dựng bản đồ ngập lụt hạ du hồ Bà Hào | 1.578.127.239 |
| 4.1 | Điều tra, thu thập tài liệu cơ bản | 90.970.000 |
| 4.2 | Khảo sát tài liệu cơ bản | 278.723.056 |
| 4.3 | Thiết lập mô hình dòng chảy (mô hình thủy văn mưa - dòng chảy) | 127.841.153 |
| 4.4 | Tính toán xả lũ khẩn cấp và vỡ đập | 35.586.995 |
| 4.5 | Xây dựng bản đồ ngập lũ hạ du hồ Bà Hào | 941.631.997 |
| 4.6 | Xây dựng lắp đặt mốc cảnh báo ngập lụt | 30.637.037 |
| 4.7 | Xây dựng báo cáo | 18.767.000 |
| 4.8 | Chuyển giao sử dụng bản đồ ngập lụt | 2.930.000 |
| 4.9 | Chi phí hoàn thiện hồ sơ | 51.040.000 |
| 5 | Chi phí giám sát khảo sát | 11.349.603 |
| 6 | Chi phí thẩm định giá | 5.000.000 |
| 7 | Chi phí thẩm tra kết quả | 32.196.440 |
| III | CHI PHÍ KHÁC | 10.944.367 |
| 1 | Chi phí thẩm định kết quả thực hiện | 500.000 |
| 2 | Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán | 10.444.367 |
| IV | DỰ PHÒNG | 87.149.780 |

ĐỒNG

| TT | Nội dung chi phí | Thành tiền (đồng) |
|--------------------------------|--|----------------------|
| 1 | Chi phí dự phòng do khối lượng phát sinh | 87.149.780 |
| TỔNG CỘNG (I+II+III+IV) | | 1.832.345.367 |
| TỔNG CỘNG LÀM TRÒN | | 1.832.345.000 |